

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2) Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 456/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST- HNGĐ ngày 17/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị D, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Tổ 3, phường N, thành phố L, tỉnh L; trú tại: Tổ 14, khu phố Ch, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1978; nơi ĐKKHKT: Tổ 3, phường N, thành phố L, tỉnh L; trú tại: Tổ 14, khu phố Ch, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Đoàn Thị D trình bày:

Chị D và anh Tr tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh L theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, quyền số 01 ngày 14/4/2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr hay nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia

đình. Ngoài ra anh Tr còn thường xuyên đánh đập chị D, dẫn đến chị D luôn ở trong tình trạng lo sợ, cuộc sống áp lực nặng nề, đã có lúc chị D muốn tự tử. Đỉnh điểm khi chị D đang mang bầu bé thứ hai, anh Tr đánh đập chị D dẫn đến động thai phải nhập viện. Nay chị D nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Diệu L, sinh ngày 10/01/2003 và Nguyễn Phi H, sinh ngày 30/8/2007. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con Nguyễn Phi H, yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con Nguyễn Diệu L đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, chị D thay đổi không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2022 và ngày 06/6/2022, anh Nguyễn Thành Tr trình bày:

Thống nhất với chị D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung. Anh Tr xác định vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, thỉnh thoảng anh Tr có la mắng vợ con. Nếu chị D quyết tâm từ bỏ gia đình anh Tr không có ý kiến gì. Anh Tr không đồng ý việc chị D yêu cầu đóng góp nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị D khởi kiện anh Tr yêu cầu được ly hôn, anh Tr hiện đang trú tại phường T, thành phố D, tỉnh B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố D thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có yêu cầu được giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Tr theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh Tr tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã C, tỉnh L theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, quyển số 01 ngày 14/4/2001, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng chị D xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Tr thường xuyên bạo hành chị D, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Tr cho rằng việc dẫn đến anh phải xử sự với chị D như vậy là do chị D và chỉ có chị D mới rõ mọi sự tình. Xét, mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh Tr kéo dài, nếu có nín giữ thì cuộc hôn nhân không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh Tr.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Diệu L, sinh ngày 10/01/2003 và Nguyễn Phi H, sinh ngày 30/8/2007. Đối với con Nguyễn Diệu L đã thành niên, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Phi H và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Hiện anh Tr làm nghề xây dựng thường xuyên đi công trình, cháu H vẫn do chị D chăm sóc và cháu H cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Để ổn định tâm lý và cuộc sống của cháu H nên tiếp tục giao cháu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị D thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Việc chị D không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị D đối với bị đơn anh Nguyễn Thành Tr về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Thành Tr (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, quyển số 01 ngày 14/4/2001 do Ủy ban nhân dân xã C, thị xã C, tỉnh L cấp).

- Về con chung: Giao con Nguyễn Phi H, sinh ngày 30/8/2007 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện chị D không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị D và anh Tr có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0003323 ngày 24/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Thư